

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 17/RITA/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT RITA**

Địa chỉ: Số 8, Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274.3784788.

Fax: 0274.3784799.

Website: www.rita.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3700574950

Giấy chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) số VN20/00196 do SGS Việt Nam cấp ngày: 24/08/2025

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **NƯỚC ÉP CAM/ ORANGE JUICE DRINK**

2. Thành phần: Nước, nước ép cam (20%), đường tinh luyện, chất điều chỉnh độ axit (INS 330, INS 331(iii)), hương cam tổng hợp, chất bảo quản (INS 202, INS 211), chất tạo ngọt tổng hợp (INS 955), màu thực phẩm tổng hợp (INS 110, INS 102).

(Ingredients: Water, orange juice (20%), refined sugar, acidity regulators (INS 330, INS 331(iii)), synthetic orange flavor, preservatives (INS 202, INS 211), synthetic sweetener (INS 955), synthetic food colors (INS 110, INS 102).)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

- Ngày sản xuất, hạn sử dụng được in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trong chai PET, đảm bảo an toàn thực phẩm với thể tích thực là 350ml, 450ml, 500ml, hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT RITA**

Địa chỉ: Số 8, Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274.3784788.

Fax: 0274.3784799.

Website: www.rita.com.vn



III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm đồ uống không cồn QCVN 6-2:2010/BYT (đính kèm bản thông tin về chỉ tiêu của sản phẩm).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Zhang Hong



BẢN THÔNG TIN VỀ CHỈ TIÊU CỦA SẢN PHẨM

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT RITA	Tên sản phẩm	Số:17/RITA/2025
	NƯỚC ÉP CAM/ ORANGE JUICE DRINK	

1. YÊU CẦU KỸ THUẬT:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: lỏng, không có tạp chất lạ
- Màu sắc: màu đặc trưng của sản phẩm
- Mùi vị: vị ngọt, thơm đặc trưng của sản phẩm

1.2. Các chỉ tiêu chất lượng:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính/ 100ml	Mức công bố
1	Năng lượng/ Energy:	kcal	17-26
2	Chất béo/ Total Fat:	g	0
3	Natri/ Sodium:	mg	34-51
4	Carbohydrat/ Carbohydrates:	g	4.3-6.4
5	Đường tổng số/ Total Sugars:	g	3.7-5.6
6	Chất đạm/ Protein:	g	0

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Xây dựng dựa trên QCVN 6-2:2010/BYT

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/ml	$\leq 10^2$
2	<i>Coliform</i>	CFU/ml	≤ 10
3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/ml	0
4	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/ml	0
5	<i>Faecal streptococci</i>	CFU/ml	0
6	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	CFU/ml	0
7	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	0
8	Tổng số bào tử nấm men, mốc	CFU/ml	≤ 10

1.4. Chỉ tiêu kim loại nặng: Xây dựng dựa trên QCVN 6-2:2010/BYT

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Chì	mg/l	≤ 0.05

1.5. Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Xây dựng dựa trên QCVN 6-2: 2010/BYT

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Piperonyl butoxid	mg/l	≤ 0.05
2	2-Phenylphenol	mg/l	≤ 0.5
3	Propargite	mg/l	≤ 0.3

2. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: Lắc nhẹ trước khi uống, ngon hơn khi uống lạnh.
- Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát.

3. Thông tin cảnh báo:

- Không dùng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.
- Lắc động là hiện tượng tự nhiên, không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

4. Những điểm cần lưu ý:

- Trong quá trình vận chuyển hàng hoá, va chạm có thể dẫn đến hư hỏng và biến đổi trạng thái của sản phẩm, khách hàng vui lòng không sử dụng những sản phẩm biến dạng bao bì và nghi ngờ hư hỏng.

5. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm:

Sản phẩm của CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT RITA

Địa chỉ: Số 8, Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0274 .3784788

Fax: 0274.3784799

Website: www.rita.com.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Zhang Hong



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYTICAL REPORT

Mã kết quả/Report code: CV2025013900-RV1-1 - Trang/Page 1/3

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT RITA

RITA FOOD AND DRINK CO., LTD

Số 8, Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công Nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
No. 8, Thong Nhat Boulevard, Song Than 2 Industrial Park, Di An Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Tên mẫu/ Sample described as : NƯỚC ÉP CAM/ ORANGE JUICE DRINK
Mã đơn hàng/ Your purchase order reference : TP10132025110075
Mã số mẫu/ Sample code : 202500013900
Tình trạng mẫu/ Conditioning : Mẫu đựng trong chai nhựa/ The sample is kept in plastic bottle
Ngày nhận mẫu/ Sample reception date : 10/11/2025
Thời gian thử nghiệm/ Analysis time : 10/11/2025 - 20/11/2025
Ngày trả kết quả/ Client due date : 20/11/2025

STT NO.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULTS
1	<i>Clostridium perfringens</i> / <i>Clostridium perfringens</i> (a)	cfu/ml	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện/ Not detected (LOD=1)
2	<i>Escherichia coli</i> / <i>Escherichia coli</i> (a)	cfu/ml	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện/ Not detected (LOD=1)
3	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> / <i>Pseudomonas aeruginosa</i> (a)	cfu/ml	EPR-TP1-019 Ref TCVN 8881:2011/ISO 16266:2006	Không phát hiện/ Not detected (LOD=1)
4	<i>Staphylococcus aureus</i> / <i>Staphylococcus aureus</i> (a)	cfu/ml	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:2003)	Không phát hiện/ Not detected (LOD=1)
5	<i>Streptococci faecal</i> / <i>Streptococci faecal</i> (a)	cfu/ml	EPR-TP1-020 Ref TCVN 6189-2: 2009 (ISO 7899-2:2000)	Không phát hiện/ Not detected (LOD=1)
6	Béo/ Total Fat (a)	g/100ml	EPR-TP2-0041	Không phát hiện/ Not detected (LOD=0.1)
7	Carbohydrate (không bao gồm xơ)/ Carbohydrates (not included fiber)	g/100ml	AOAC 986.25	5.37



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYTICAL REPORT

Mã kết quả/Report code: CV2025013900-RV1-1 - Trang/Page 2/3

STT NO.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULTS
8	Đạm/ Protein (a)	g/100ml	EPR-TP2-0077	Không phát hiện/ Not detected (LOD=0.1)
9	Độ ẩm/ Moisture (a)	g/100ml	EPR-TP2-0059	95.8
10	Năng lượng/ Energy values (*)	kcal/100ml	FAO 2013 77	21
11	Tro tổng/ Total ash (a)	g/100ml	EPR-TP2-0096	0.20
12	Xơ dinh dưỡng/ Dietary fiber (a)	g/100ml	AOAC 991.43	Không phát hiện/ Not detected (LOD=0.05)
13	Natri (Na)/ Sodium (Na) (a)	mg/100ml	EPR-TP2-0156 (Ref AOAC 969.23 (2011))	42.7
14	Độ Brix/ Độ Brix	°Brix	TCVN 4414:1987	5.70
15	Đường tổng số/ Total sugars (a)	g/100ml	TCVN 4594:1988 (ST SEV 3450:1981)	4.66
16	pH/ pH (a)		TCVN 12348:2018	3.41
17	Chì (Pb)/ Lead (Pb) (a)	mg/l	AOAC OFFICAL 999.11	Không phát hiện/ Not detected (LOD=0.008)
18	Piperonyl butoxid/ Piperonyl butoxid (a)	mg/l	EN 15662:2018	Không phát hiện/ Not detected (LOD=0.003)
19	Propargite/ Propargite (a)	mg/l	EN 15662:2018	Không phát hiện/ Not detected (LOD=0.003)
20	2-Phenylphenol/ 2-Phenylphenol (c)(a)	mg/l	CASE.SK.0111 (2018)	Không phát hiện/ Not detected (LOD=0.003)

Ghi chú/ Note:

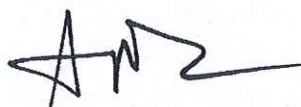
LOD: giới hạn phát hiện của phương pháp/ limit of detection

 6445
 TỶ CỐ
 ĐA HỌ
 G NG
 C KỶ
 PHO
 P.HỒ

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYTICAL REPORT

Mã kết quả/Report code: CV2025013900-RV1-1 - Trang/Page 3/3

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT
TECHNICAL DIRECTOR



MSc. NGUYỄN HUỖNH TUẤN ANH

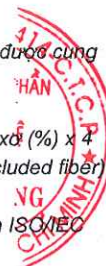
TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



MBA. VÕ TRƯỞNG DUY

Ghi chú và giải thích/ Explanatory note:

- Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
 - This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample.
 - Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
 - Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request.
- (*) : Chỉ tiêu Năng lượng được tính từ công thức : $Năng\ lượng = Đạm\ (\%) \times 4 + Béo\ (\%) \times 9 + Carbohydrate\ không\ bao\ gồm\ xơ\ (\%) \times 4 + Xơ\ dinh\ dưỡng\ (\%) \times 2$ / Calculation of the Energy : $Energy\ values = Protein\ (\%) \times 4 + Fat\ (\%) \times 9 + Carbohydrates\ (not\ included\ fiber)\ (\%) \times 4 + Dietary\ fiber\ (\%) \times 2$
- (a): Các phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 / The tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017
- (c): Các phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ / The tests performed by subcontractors



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYTICAL REPORT

Mã kết quả/Report code: CV2025014838-RV1 - Trang/Page 1/2

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT RITA

RITA FOOD AND DRINK CO., LTD

Số 8, Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công Nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
No. 8, Thong Nhat Boulevard, Song Than 2 Industrial Park, Di An Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Tên mẫu/ Sample described as : NƯỚC ÉP CAM/ ORANGE JUICE DRINK
Mã đơn hàng/ Your purchase order reference : TP10132025110610
Mã số mẫu/ Sample code : 202500014838
Tình trạng mẫu/ Conditioning : Mẫu đựng trong chai nhựa/ The sample is kept in plastic bottle
Ngày nhận mẫu/ Sample reception date : 25/11/2025
Thời gian thử nghiệm/ Analysis time : 25/11/2025 - 02/12/2025
Ngày trả kết quả/ Client due date : 02/12/2025

STT NO.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	KẾT QUẢ RESULTS
1	Coliforms/ Coliforms (a)	cfu/ml	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện/ Not detected (LOD=1)
2	Tổng số nấm men và nấm mốc/ Yeast & Moulds (a)	cfu/ml	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	Không phát hiện/ Not detected (LOD=1)
3	Tổng số vi sinh vật hiếu khí/ Aerobic Plate Count (a)	cfu/ml	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	3.0x10 ⁰

Ghi chú/ Note:

LOD: giới hạn phát hiện của phương pháp/ limit of detection

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT
TECHNICAL DIRECTOR



MSc. NGUYỄN HUỲNH TUẤN ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR



MBA. VÕ TRƯƠNG DUY

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM ANALYTICAL REPORT

Mã kết quả/Report code: CV2025014838-RV1 - Trang/Page 2/2

Ghi chú và giải thích/ Explanatory note:

- Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
 - This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample.
 - Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
 - Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request.
- (a): Các phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 / The tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017





Bản dịch từ giấy chứng nhận VN20/00196

Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của

CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT RITA

COID: VNM-1-0587-865255

Số 8, Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công Nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

đã được đánh giá và chứng nhận là đáp ứng các yêu cầu của

Food Safety System Certification FSSC 22000

Chương trình chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm bao gồm các phần sau: ISO 22000:2018, ISO/TS22002-1:2009 and Additional FSSC 22000 requirements (version 6).

Cho các hoạt động sau đây

Sản xuất (trộn, lọc, chiết rót, nổi nắp, thanh trùng, làm mát) nước uống bổ sung vitamin, khoáng chất, axit amin, gluconolactone, glucuronolactone, caffeine, inositol, taurine

Sản xuất (trộn, đồng nhất, lọc, chiết rót, nổi nắp, retort, làm mát) sữa tiệt trùng thương mại

Sản xuất (trộn, lọc, chiết rót, nổi nắp, làm mát) đồ uống có ga

Sản xuất (trộn, lọc, chiết rót, nổi nắp, thanh trùng, làm mát) nước ép trái cây

Các sản phẩm đóng gói trong lon nhôm, chai nhựa PP và PET, hộp giấy, chai thủy tinh

Nhóm ngành: CII – Chế biến thực phẩm có nguồn gốc thực vật mau hỏng ở nhiệt độ thường, CIV - Chế biến sản phẩm giữ được lâu ở nhiệt độ thường

Chứng chỉ có hiệu lực từ 24/08/2025 đến 23/08/2028 và duy trì hiệu lực tùy thuộc vào các cuộc đánh giá giám sát thỏa đáng.

Ngày quyết định chứng nhận 07/08/2025

Ngày phát hành: 18/08/2025

Phát hành 5 Chứng nhận từ 24/08/2016

Lần cuối đánh giá không báo trước: N/A

Ít nhất một (1) cuộc đánh giá giám sát phải được thực hiện mà không báo trước sau khi đánh giá chứng nhận ban đầu và trong mỗi giai đoạn ba (3) năm sau đó.

L. Moran

Được ủy quyền bởi

Liz Moran

Business Manager

SGS United Kingdom Ltd

Rossmore Business Park, Ellesmere Port, Cheshire, CH65 3EN, UK

t +44 (0)151 350-6666 - www.sgs.com

Phiên bản tiếng Anh của giấy chứng nhận này được xem là bản chính thức và bản có giá trị

Tính xác thực của chứng nhận này có thể được xác minh trên cơ sở dữ liệu của các tổ chức được chứng nhận FSSC 22000 có sẵn trên www.fssc.com.



FSSC 22000



Văn bản này là chứng nhận điện tử chỉ sử dụng cho mục đích kinh doanh của khách hàng. Bản được in từ chứng nhận điện tử này được cho phép và sẽ được xem như là bản sao. Văn bản này được phát hành bởi Công ty tuân theo điều kiện chung của SGS về các dịch vụ chứng nhận theo các điều khoản và điều kiện I SGS. Lưu ý được đưa ra ở đây bao gồm trong đó các điều khoản về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và thẩm quyền. Văn bản này là bản quyền được bảo vệ và bất kỳ sự thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nào về nội dung hoặc hình thức của văn bản này là bất hợp pháp.

